

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HSST

Ngày: 29/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trường
Ông Nguyễn Đình Quý

Thư ký phiên toà: Ông Tân Khải Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1, Nguyễn Văn S Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1984
Nơi ĐKKHKT: xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: K4, B, xã T, huyện S, Phú Thọ,
Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Trình độ văn hóa: 7/12.
Con ông: Nguyễn Thái H Sinh năm 1933 (đã chết).
Con bà: Nguyễn Thị T Sinh năm 1944.
Vợ: Trần Thị Hồng L Sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2011).
Con: có 01 con (Sinh năm 2006)
Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hôm nay có mặt tại phiên toà.

2, Trần Thị P Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1973
Nơi ĐKKHKT: K4, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ.
Dân tộc: Mường. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Trình độ văn hóa: 10/12.
Con ông: Trần Văn T Sinh năm 1929 (đã chết).
Con bà: Đinh Thị H Sinh năm 1929 (đã chết).
Chồng: Vũ Văn H Sinh năm 1984 (đã chết).

Con: có 02 con (Lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2006).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2017 đến ngày 16/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện nay đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lã Thành Công – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bị hại:

1, Anh Lê Văn C Sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm C, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

2, Anh Đinh Văn C Sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

3, Anh Hà Văn S Sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4, Anh Hà Quốc T Sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

5, Chị Phùng Thị K Sinh năm 1993 (vắng mặt).

6, Anh Hà Văn L Sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Anh Nguyễn Chí B Sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

2, Anh Hoàng Đình T Sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Khu G, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

3, Anh Hán Anh T Sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Khoảng 8 giờ ngày 07/5/2017, Nguyễn Văn S cùng Trần Thị P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA-NOUVO, BKS: 98Y2-3737, màu trắng, đi từ xã T, huyện S đến xã K, huyện T với mục đích đi trộm cắp xe mô tô. Khi đến khu vực Xóm X2, xã K, huyện T, S và P phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM-HONDA, BKS: 19D1-004.27 của anh Hà Văn Luật sinh năm 1986, trú quán tại: xóm X2, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ dựng ở lề đường, không có người trông giữ, S dừng lại bảo P đứng canh giới, S đi bộ đến vị trí xe mô tô sau đó dùng vạm phá khóa tự chế để phá khóa. Sau khi phá khóa, S điều khiển xe DRAEM trộm cắp, P điều khiển xe YAMAHA-NOUVO, BKS: 98Y2-3737 đi theo sau hướng xã K đến xã V, huyện T. Khi đến xã V, huyện T thì S bị Tổ công tác Công an huyện T kiểm tra bắt giữ.

Ngày 9/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T quyết định trưng cầu định giá tài sản 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM-HONDA, màu nâu, BKS: 19D1-004.27 của anh Hà Văn L. Tại Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-ĐGTS ngày 15/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM-HONDA giá trị còn lại của tài sản là 9.513.000 đồng (Bút lục số 42 đến 44).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn S và Trần Thị P khai nhận còn tham gia trộm cắp một số vụ khác. Cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 10 giờ ngày 06/4/2017, S và P sử dụng xe YAMAHA-NOUVO, BKS: 98Y2-3737 của P để đi trộm cắp tài sản, khi đi đến xóm C, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Thọ thì phát hiện xe mô tô HONDA-WAVE; màu đỏ, BKS: 19C1-057.03 của anh Lê Văn C, sinh năm 1972, HKTT: xóm C, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Thọ, dựng cạnh lề đường không có người trông coi. S xuống xe bảo P đứng cạnh giới, S đi đến vị trí xe mô tô trên rồi dùng vạm phá khóa tự chế đã chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện và điều khiển xe đi về xã T, huyện S, P điều khiển xe của P về sau. Chiếc xe mô tô trên S chưa bán được cho ai nên S đã mang đến gửi anh Nguyễn Chí B, sinh năm: 1990, hộ khẩu thường trú: khu Đ, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ để vay 2.000.000 đồng. Sau khi biết S bị bắt, anh B đã mang chiếc xe trên giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 25/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện S quyết định trưng cầu định giá tài sản 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA-WAVE; màu đỏ, đen, bạc BKS: 19C1-057.03 của anh Lê Văn C. Tại Biên bản định giá tài sản số: 09/BB-HĐĐGTS ngày 31/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện S, tỉnh Phú Thọ xác định chiếc xe mô tô BKS: 19C1-057.03 giá trị còn lại là 9.750.000 đồng (Bút lục số 27 đến 29).

Vụ 2: Khoảng 9 giờ ngày 23/4/2017, S và P sử dụng xe YAMAHA-NOUVO, BKS: 98Y2-3737 của P để đi trộm cắp. Khi đi đến xóm N, xã T, huyện S, phát hiện xe mô tô HONDA-WAVE alpha, màu sơn xanh - đen - bạc, BKS: 19M1-024.40 của anh Đình Văn C, sinh năm: 1996; hộ khẩu thường trú: xóm N, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ, dựng cạnh lề đường không người trông coi. S xuống xe bảo P đứng cạnh giới, S đi đến vị trí xe dùng vạm phá khóa tự chế đã chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện và điều khiển xe đi về xã T, P điều khiển xe của P về sau. Chiếc xe mô tô trên S mang bán cho anh Hoàng Đình T, sinh năm 1966, HKTT: khu G, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ với giá 3.500.000 đồng, S nói với anh T là mua lại xe thanh lý nên anh T không biết là xe trộm cắp, sau đó anh T mang chiếc xe này bán lại cho anh Hán Anh T, sinh năm: 1970, trú tại: xóm C, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ với giá 3.500.000 đồng. Hiện chiếc xe này anh T đã giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T.

Ngày 25/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện S quyết định trưng cầu định giá tài sản 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA-WAVE alpha, màu sơn xanh - đen - bạc, BKS: 19M1-024.40 của anh Đình Văn C. Tại Biên bản định giá tài sản số: 10 ngày 31/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện S, tỉnh Phú Thọ xác định chiếc xe mô tô BKS: 19M1-024.40 giá trị còn lại là 9.750.000 đồng (Bút lục số 30 đến 32).

Vụ 3: Khoảng 9 giờ ngày 08/4/2017, S và P sử dụng xe YAMAHA-NOUVO, BKS: 98Y2-3737 của P để đi trộm cắp tài sản, khi đi đến xóm T, xã M huyện T, phát hiện xe mô tô HONDA-WAVE, màu xanh - đen, BKS: 19D1-049.14 của anh Hà Văn S, sinh năm 1971, trú quán: xóm T, xã M, huyện T, dựng cạnh chân cầu treo M không có người trông coi. S xuống xe bảo P đứng canh giới S đi đến vị trí xe mô tô dùng vạm phá khóa tự chế đã chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện và điều khiển xe đi về huyện S, P điều khiển xe của P về sau. S mang chiếc xe trên xuống huyện B, thành phố Hà Nội bán cho người không quen biết được 2.500.000 đồng. Số tiền bán xe S và P cùng tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 14/6/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T quyết định trưng cầu định giá tài sản 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA-WAVE Alpha, màu xanh - đen, BKS: 19D1-049.14 của anh Hà Văn S. Tại Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-ĐGTS, ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T xác định giá trị còn lại chiếc xe mô tô BKS: 19D1-049.14 là 8.254.000 đồng (Bút lục số 33 đến 35).

Vụ 4: Khoảng 9 giờ ngày 28/4/2017, S và P sử dụng xe YAMAHA-NOUVO, BKS: 98Y2-3737 của P để đi trộm cắp. Khi đi đến xóm B, xã X, huyện T, phát hiện xe mô tô HONDA-WAVE, màu đen bạc, BKS: 19D1-093.76 của anh Hà Quốc T, sinh năm: 1987, trú quán: xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ, dựng cạnh lề đường không người trông coi; S xuống xe bảo P đứng canh giới S đi đến vị trí xe mô tô dùng vạm phá khóa đã chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện và điều khiển xe đi về S, P điều khiển xe của P về sau. S mang chiếc xe mô tô trên bán cho anh Hoàng Đình T, sinh năm 1966, trú quán: T, huyện S, tỉnh Phú Thọ với giá 3.000.000 đồng. Khi bán xe S nói với anh T là xe mua thanh lý nên anh T không biết là xe trộm cắp.

Ngày 09/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T quyết định trưng cầu định giá tài sản 01 xe mô tô HONDA-WAVE, màu đen bạc, BKS: 19D1-093.76 của anh Hà Quốc T. Tại Kết luận định giá tài sản số: 06/KL-ĐGTS, ngày 15/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T xác định giá trị còn lại của chiếc xe mô tô BKS: 19D1-093.76 là 11.052.000 đồng (Bút lục số 36 đến 38).

Vụ 5: Khoảng 10 giờ ngày 30/4/2017, S và P sử dụng xe YAMAHA-NOUVO, BKS: 98Y2-3737 của P để đi trộm cắp, khi đi đến xóm X, xã K, huyện T, phát hiện xe mô tô HONDA-WAVE, màu đỏ đen, BKS: 19D1-040.70 của chị Phùng Thị K, sinh năm: 1993, trú quán: xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ, dựng cạnh lề đường không có người trông coi; S xuống xe bảo P đứng canh giới S đi đến vị trí xe mô tô dùng vạm phá khóa tự chế đã chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện và điều khiển xe đi về huyện S, P điều khiển xe của P về sau. S mang chiếc xe trên xuống thị xã S, thành phố Hà Nội bán cho người không quen biết được 2.500.000 đồng. Số tiền bán xe S và P cùng tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐGTS ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T xác định giá trị còn lại của chiếc xe HONDA-WAVE, màu đỏ đen, BKS: 19D1-040.70 trị giá là: 8.152.000 đồng (Bút lục số 39 đến 41).

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi các lần phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S và Trần Thị P đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Các bị cáo đã có sự thống nhất, có hành vi, thủ đoạn lén lút dùng vạm phá khóa tự chế đã chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện của các loại mô tô do các chủ sở hữu phương tiện chủ quan trong việc bảo vệ tài sản. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị qua định giá của 6 vụ trộm cắp tài sản là 56.471.000 đồng.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 04/7/2017 anh Lê Văn C đã có đơn xin lại chiếc xe mô tô, cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE alpha, màu sơn đỏ, BKS 19C1-057.03 cho anh Chi. Sau khi nhận lại tài sản anh C không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác về dân S.

Ngày 04/7/2017, anh Đinh Văn C đã có đơn xin lại chiếc xe mô tô, cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE alpha, màu sơn xanh, đen, bạc, BKS: 19M1-024.40 cho anh Đinh Văn C. Sau khi nhận lại tài sản anh C không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác về dân S.

Ngày 24/5/2017 anh Hà Quốc T đã có đơn xin lại chiếc xe mô tô, ngày 25/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô HONDA-WAVE, màu đen bạc, BKS: 19D1-093.76 cho anh Hà Quốc T. Sau khi nhận lại tài sản anh T không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác về dân S.

Ngày 03/7/2017 đại diện gia đình các bị cáo Nguyễn Văn S và Trần Thị P đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T tự nguyện giao nộp tổng số tiền là 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả là bồi thường giá trị tài sản bị mất không thu hồi được. Ngày 12/7/2017 các gia đình bị hại là chị Phùng Thị K và anh Hà Văn S đã có đơn xin nhận lại tiền. Cùng ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện T quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị Phùng Thị K 10.000.000 đồng, anh Hà Văn S 10.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tài sản chị K và anh S không đề nghị các bị cáo bồi thường thêm về dân S và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện T và huyện S, tỉnh Phú Thọ cũng như các quyết định xử lý vật chứng của Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại bản cáo trạng số 26/KSĐT-CT ngày 02/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S và Trần Thị P cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình S.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b,p khoản 1,2 Điều 46 BLHS năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Phạt Nguyễn Văn S từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 07/5/2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng điểm e khoản 2 điều 138, điểm b,p khoản 1,2 Điều 46, khoản 1,2 Điều 60 BLHS năm 1999.

Phạt Trần Thị P từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 42 BLHS, khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu để tiêu hủy gồm: 01 tô vít đã được dẹt mỏng hai cạnh, một đầu hình lục giác, một đầu nhọn (Thu giữ của S).

- 02 thanh kim loại có chiều dài 07cm, có một đầu hình lục giác và một đầu dẹt nhọn (Thu giữ tại nhà P);

Tịch thu để sung quỹ nhà nước gồm:

- Một điện thoại di động nhãn hiệu ZONO màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng (Thu giữ của S).

- Một điện thoại di động vỏ màu trắng mặt trước ghi chữ Microsoft, điện thoại cũ đã qua sử dụng (Thu giữ của P).

- Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, màu sơn đen – bạc, BKS: 98Y2-3737. Số máy 5P1011075688, số khung RLCN 5P 1109Y075685, xe không có gương chiếu hậu, xe đã cũ (Thu giữ của P).

Xác nhận Cơ quan CSĐT đã trả xe và tiền cho bị hại, người bị hại đã nhận đầy đủ và nay không có yêu cầu gì.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo P: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, con bị dị tật đang bị tâm thần. Bị cáo chưa có tiền án, tiền S, phạm tội lần đầu, phạm tội với vai trò thứ yếu. Phạm tội với hoàn cảnh cùng quẩn khi chăn nuôi lợn nợ nần chồng chất. Nhất trí các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đề cập. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất và cho hưởng án treo mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Trợ giúp viên pháp lý, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các Bị cáo đều nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2017, Nguyễn Văn S và Trần Thị P, đã có hành vi trộm cắp 06 vụ với tổng giá trị theo định giá tài sản

là 56.471.000 đồng. Cụ thể: Vụ 1: Ngày 06/4/2017, S và P trộm cắp 01 xe mô tô HONDA-WAVE α ; màu đỏ, BKS: 19C1-057.03 của anh Lê Văn C trị giá 9.750.000 đồng; Vụ 2: Ngày 23/4/2017, S và P trộm cắp 01 xe mô tô HONDA-WAVE alpha, màu sơn xanh - đen - bạc, BKS: 19M1-024.40 của anh Đinh Văn C trị giá 9.750.000 đồng; Vụ 3: Ngày 08/4/2017, S và P trộm cắp 01 xe mô tô HONDA-WAVE, màu xanh - đen, BKS: 19D1-049.14 của anh Hà Văn S trị giá 8.254.000 đồng; Vụ 4: Ngày 28/4/2017, S và P trộm cắp 01 xe mô tô HONDA-WAVE, màu đen bạc, BKS: 19D1 -093.76 của anh Hà Quốc T trị giá 11.052.000 đồng; Vụ 5: Ngày 30/4/2017, S và P trộm cắp 01 xe mô tô HONDA-WAVE, màu đỏ đen, BKS: 19D1-040.70 của chị Phùng Thị K trị giá 8.152.000 đồng; Vụ 6: ngày 7/5/2017 S và P trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM Honda BKS: 19D1-004.27 của anh Hà Văn L trị giá 9.513.000 đồng.

Sự khai nhận này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tại Cơ quan điều tra. Do vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn S và Trần Thị P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, truy tố các bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt đã được quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”.

Xét tính chất vụ án: Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân vì tài sản hợp pháp của mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo một cách nghiêm khắc trước pháp luật. Xét về vai trò của bị cáo S trong tất cả 6 vụ án trộm cắp tài sản là người khởi xướng, rủ rê P tham gia trộm cắp, đồng thời S còn là người trực tiếp thực hiện hành vi phá khóa điện lấy trộm các xe mô tô, khi lấy được tài sản thì bị cáo là người chủ động tìm mỗi tiêu thụ tài sản phạm tội, có tiền từ bán tài sản phạm tội thì bị cáo chủ động chi tiêu chung mà không chia tiền cho bị cáo P. Đối với P tham gia trong tất cả 6 vụ án chỉ là đồng phạm giúp sức như dùng xe mô tô của bị cáo đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đứng canh giới cho S thực hiện toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của tất cả các vụ. Do vậy mức hình phạt của bị cáo S sẽ cao hơn bị cáo P.

Xét nhân thân các bị cáo thấy rằng:

Động cơ phạm tội của bị cáo S, P là vụ lợi, mục đích là muốn có tiền để trang trải cuộc sống, trả nợ bằng cách chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp. Do vậy khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS là phạm tội nhiều lần. Bị cáo phạm tội trong khoảng thời gian từ 06/4/2017 đến ngày 07/5/2017, tổng cộng là 06 lần, xong vì bị cáo S có nghề nghiệp lao động tự do, bị cáo P có nghề nghiệp làm ruộng, không lấy việc phạm tội là nguồn sống chính nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 BLHS là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S, P đều chưa có tiền án, tiền sự, tài sản đã thu hồi và trả lại cho phần lớn người bị hại. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đã khai báo rõ ràng, thành khẩn nhận tội nên được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Bị cáo P, S đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại giá trị tài sản không thu hồi được cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b,p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo đều được những người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với S: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ) được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến năm 1998. Đến năm 2007 ông Nguyễn Thái H (bố đẻ) và bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ) đã được Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ tặng Bằng khen kháng chiến. Như vậy cả bố và mẹ bị cáo đều là người có công cách mạng, quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS (2015) có “...*quy định một tình tiết giảm nhẹ mới*...” đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Đối với P: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định bà Đinh Thị H (mẹ đẻ) được Bộ Tư lệnh Quân khu 2 cấp giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến ngày 23/01/2017. Bị cáo có anh trai là ông Trần Minh T được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng Bằng khen năm 1982. Đối chiếu Pháp lệnh ưu đãi người có công Cách mạng thì mẹ và anh trai của bị cáo không thuộc đối tượng xem xét. Do vậy không chấp nhận tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

Từ những phân tích trên đây: Hội đồng xét xử thấy rằng phải cách ly bị cáo S ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian cần thiết để bị cáo lao động, cải tạo sớm trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo P có nơi cư trú ổn định, hoàn cảnh gia đình chồng chết, con nhỏ bị dị tật cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để giúp bị cáo thấy được lỗi lầm của mình cải tạo sớm trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự có quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

Tại biên bản xác minh tài sản ngày 02/6/2017 (Bút lục số 80) thì bị cáo S sống phụ thuộc gia đình, bản thân bị cáo không có tài sản riêng. Nên không áp dụng hình phạt tiền là phù hợp.

Tại biên bản xác minh tài sản ngày 02/6/2017 (Bút lục số 129a) thì bị cáo P chỉ có 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian cũ, có diện tích 45 m² trên diện tích đất vườn 360 m² trong nhà không có tài sản gì có giá trị. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không đáng kể. Nên không áp dụng hình phạt tiền là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì đối với các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 03/7/2017 đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Trần Thị P đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T tự nguyện giao nộp số tiền là 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ngày 12/7/2017 các gia đình bị hại là chị Phùng Thị K và anh Hà Văn S đã có biên bản thỏa thuận bồi thường và có đơn xin nhận lại tiền. Cùng ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện T quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị Phùng Thị K đã nhận 10.000.000 đồng (Bút lục số 268,269), anh Hà Văn S đã nhận 10.000.000 đồng (Bút lục số 264,265). Sau khi nhận giá trị tài sản chị K và anh S không đề nghị các bị cáo bồi thường thêm về dân S và tại phiên tòa hôm nay đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Ngày 04/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE alpha, màu sơn đỏ, BKS 19C1-057.03 cho anh C. Sau khi nhận lại tài sản anh C không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác về dân sự. (Bút lục số 165,166).

Ngày 04/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE alpha, màu sơn xanh - đen - bạc, BKS: 19M1-02440 cho anh Đình Văn C. Sau khi nhận lại tài sản anh C không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác về dân sự (Bút lục số 193).

Ngày 24/5/2017 anh Hà Quốc T đã có đơn xin lại chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại, ngày 25/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô HONDA-WAVE, màu đen bạc, BKS: 19D1-093.76 cho anh Hà Quốc T. Sau khi nhận lại tài sản anh T không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác về dân sự (Bút lục số 206).

Ngày 25/5/2017 anh Hà Văn Luật đã có đơn xin lại chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại, ngày 25/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả 01 xe mô tô HONDA-DREAM, màu nâu, BKS: 19D1-004.27 cho anh Hà Văn L. Sau khi nhận lại tài sản anh L không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác về dân sự (Bút lục số 229).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Trợ giúp viên pháp lý, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về việc xử lý vật chứng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S và Trần Thị P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b,p khoản 1,2 Điều 46 BLHS năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

[3] Phạt Nguyễn Văn S 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 07/5/2017.

[4] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm b,p khoản 1,2 Điều 46, khoản 1,2 Điều 60 BLHS năm 1999.

[5] Phạt Trần Thị P 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo P cho UBND xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41 BLHS, khoản 1; điểm a,c,đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu để tiêu hủy gồm: 01 tô vít đã được dẹt mỏng hai cạnh, một đầu hình lục giác, một đầu nhọn (Thu giữ của S).

- 02 thanh kim loại có chiều dài 07cm, có một đầu hình lục giác và một đầu dẹt nhọn (Thu giữ tại nhà P);

Tịch thu để sung quỹ nhà nước gồm:

- Một điện thoại di động nhãn hiệu ZONO màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng (Thu giữ của S).

- Một điện thoại di động vỏ màu trắng mặt trước ghi chữ Microsoft, điện thoại cũ đã qua sử dụng (Thu giữ của P).

- Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, màu sơn đen – bạc, BKS: 98Y2-3737. Số máy 5P1011075688, số khung RLCN 5P 1109Y075685, xe không có gương chiếu hậu, xe đã cũ (Thu giữ của P).

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả vật chứng của vụ án là phù hợp gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE alpha, màu sơn đỏ, BKS 19C1-057.03 cho anh C.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WAVE alpha, màu sơn xanh - đen - bạc, BKS: 19M1-02440 cho anh Đình Văn C.

- 01 xe mô tô HONDA-WAVE, màu đen bạc, BKS: 19D1-093.76 cho anh Hà Quốc T.

- 01 xe mô tô HONDA-DREAM, màu nâu, BKS: 19D1-004.27 cho anh Hà Văn L.

Xác nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện T quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị Phùng Thị K đã nhận 10.000.000 đồng, anh Hà Văn S đã nhận 10.000.000 đồng là phù hợp.

Áp dụng khoản 1,2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình S và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo S, P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THAHS, CCTHADS;
- Công an huyện;
- Sở Tư Pháp;
- Bị cáo; TGVPL;
- Người bị hại;
- Lưu HS;VP.
- (17b)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh